

Bản án số: 846/2017/DS-PT
Ngày: 18/9/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Dung

Các Thẩm phán:

Bà Phan Thị Liên

Ông Hồ Minh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Tâm Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18/9/2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2017/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 217/2017/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1645/2017/QĐPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 4606/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Kim H1**, sinh năm 1955; cư trú tại: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà **Lê Kim H2**, sinh năm 1957; cư trú tại: đường L, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: đường P, phường Q, quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Trần Trọng T**, sinh năm 1986; cư trú tại: phường X, thành phố Y, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ liên lạc: Đường T, phường U, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 19/8/2017).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Đào Văn Long**, sinh năm 1953; cư trú tại: đường L, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: đường P, phường Q, quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Long: Ông **Trần Trọng T**, sinh năm 1986; cư trú tại: phường X, thành phố Y, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ liên lạc: Đường T, phường U, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 21/8/2017).

2/ Bà **Đào Thị Kim H3**, sinh năm 1978; cư trú tại: đường L, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* bà **Lê Kim H2**, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Kim H1 trình bày: Ngày 11/11/2015 bà Lê Kim H2 có cầm cố giấy tờ nhà đường L, Phường M, quận N cho bà Lê Kim H1 để vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn là 01 tháng. Sau đó, cùng ngày bà H2 có vay thêm số tiền 1.800.000.000 đồng hẹn đến ngày 11/02/2016 sẽ trả nợ. Tuy nhiên, đến thời hạn thanh toán hai khoản nợ trên nhưng bà H2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, bà Lê Kim H1 khởi kiện yêu cầu bà Lê Kim H2 và chồng là ông Đào Văn L có trách nhiệm trả ngay số tiền đã vay là 2.300.000.000 (Hai tỷ ba trăm triệu) đồng làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Lê Kim H2 trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải: Năm 2011 bà có vay hai khoản tiền của bà Lê Kim H1 là 500.000.000 đồng và 1.800.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay 500.000.000 đồng bà có thể chấp giấy tờ căn nhà đường L, Phường M, quận N cho bà H1. Nay do khó khăn nên bà yêu cầu được mượn lại giấy tờ căn nhà thế chấp để vay tiền ngân hàng và trả nợ cho bà H1 khoản nợ 500.000.000 đồng, đối với số tiền 1.800.000.000 đồng, bà xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn L trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải: Ông có biết vợ ông là Lê Kim H2 vay của bà H1 số tiền 500.000.000 đồng, còn khoản vay 1.800.000.000 đồng thì ông không biết. Ông đồng ý với phương án trả nợ của bà H2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Kim H3 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nên không tiến hành lấy lời khai của bà H3.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 217/2017/DS-ST ngày 29/5/2017 của Tòa án nhân dân quận N đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 343, 471, 474, 715 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 167 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính Phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Lê Kim H2 và ông Đào Văn L cùng có trách nhiệm trả cho bà Lê Kim H1 số tiền là 2.300.000.000 (Hai tỷ ba trăm triệu) đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Buộc bà Lê Kim H1 có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Kim H2 và ông Đào Văn L bản chính giấy chứng nhận quyền sử hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4018/2003 do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 23/5/2003 đối với căn nhà đường L, Phường M, quận N cho ông Đào Văn L và bà Lê Kim H2.

Việc trả số tiền 2.300.000.000 (Hai tỷ ba trăm triệu) đồng và trả giấy chứng nhận quyền sử hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo hồ sơ gốc số 4018/2003 do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 23/5/2003 cho ông Đào Văn L, bà Lê Kim H2 được thực hiện cùng một lúc tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2015/QĐ-BPKCTT ngày 30/12/2015 và quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 49/2015/QĐ-BPBD ngày 29/12/2015 của Tòa án nhân dân quận N nhằm đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí:

Bà Lê Kim H2, ông Đào Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 78.000.000 (Bảy mươi tám triệu) đồng. Hoàn lại cho bà Lê Kim H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0005167 ngày 29/12/2015 và số tiền 33.000.000 (Ba mươi ba triệu) đồng theo biên lai số 0005437 ngày 29/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 07/7/2017, bị đơn bà Lê Kim H2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Lê Kim H2 là bị đơn, ông Đào Văn L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ông Trần Trọng T là người đại diện hợp pháp của bà H2, ông L trình bày:

Bà H2, ông L thừa nhận có vay của bà Lê Kim H1 tổng số tiền là 2.300.000.000 đồng. Nay ông bà đề nghị được thỏa thuận hòa giải với bà H1 về phương thức trả nợ như sau: bà H2, ông L sẽ làm thủ tục chuyển nhượng quyền

sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với căn nhà và đất tại đường L, Phường M, quận N cho bà H1 vào ngày 05/10/2017. Đến ngày 18/01/2018 bà H2, ông L sẽ bàn giao toàn bộ nhà đất trên cho bà H1. Ngày 18/3/2018 bà H1 sẽ giao thêm cho bà H2, ông L số tiền là 250.000.000 đồng.

Bà Lê Kim H1 là nguyên đơn trình bày:

Đồng ý với phương án hòa giải mà bà H2, ông L đã đưa ra, đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận này của các bên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đào Thị Kim H3 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa nên đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của bà H1 và bà H2, ông Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H1, bà H2 và ông L đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, theo đó: bà H2, ông L thừa nhận có vay của bà H1 tổng số tiền là 2.300.000.000 đồng theo Giấy vay tiền và Giấy cầm cố giấy tờ nhà ngày 11/11/2015. Bà H1, bà H2, ông L thống nhất phương án trả nợ như sau: bà H2, ông L sẽ làm thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với căn nhà và đất tại đường L, Phường M, quận N cho bà H1 vào ngày 05/10/2017; Đến ngày 18/01/2018 bà H2, ông L sẽ bàn giao toàn bộ nhà đất trên cho bà H1; Ngày 18/3/2018 bà H1 sẽ giao thêm cho bà H2, ông L số tiền là 250.000.000 đồng.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của bà H1, bà H2, ông L.

[2] Do các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên cần hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2015/QĐ-BPKCTT ngày 30/12/2015 về việc phong tỏa tài sản của bà H, ông L và giải tỏa Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 49/2015/QĐ-BPBD ngày 29/12/2015 của Tòa án nhân dân quận N, trả lại cho bà H1 tài sản bảo đảm có giá trị là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng theo số tài khoản 015094860001 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á – Phòng giao dịch Lý Thường Kiệt.

[3] Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm là 78.000.000 đồng, bà H1, bà H2 và ông L thỏa thuận mỗi bên sẽ chịu một nửa án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể bà H1 nộp 39.000.000 đồng, bà H2 và ông L liên đới nộp 39.000.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng do bà H2 nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Sửa bản án sơ thẩm.

1. Công nhận sự thỏa thuận của bà Lê Kim H1, bà Lê Kim H2 và ông Đào Văn L về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

Bà Lê Kim H2 và ông Đào Văn L thừa nhận có vay của bà Lê Kim H1 tổng số tiền 2.300.000.000 (Hai tỷ ba trăm triệu) đồng theo Giấy vay tiền và Giấy cầm cố giấy tờ nhà ngày 11/11/2015.

Bà H1, bà H2, ông L thống nhất phương án trả nợ như sau: bà H2, ông L sẽ làm thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với căn nhà và đất tại đường L, Phường M, quận N cho bà H1 vào ngày 05/10/2017; Đến ngày 18/01/2018 bà H2, ông L sẽ bàn giao toàn bộ nhà đất tại đường L, Phường M, quận N cho bà H1; Ngày 18/3/2018 bà H1 sẽ giao thêm cho bà H2, ông L số tiền là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2015/QĐ-BPKCTT ngày 30/12/2015 của Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh về việc phong tỏa tài sản của bà H2, ông L là căn nhà và đất tại đường L, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giải tỏa Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 49/2015/QĐ-BPBD ngày 29/12/2015 của Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; trả lại cho bà Lê Kim H1 tài sản bảo đảm có giá trị là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng theo số tài khoản 015094860001 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á – Phòng giao dịch Lý Thường Kiệt.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 78.000.000 (Bảy mươi tám triệu) đồng. Bà H1, bà H2 và ông L thỏa thuận mỗi bên sẽ chịu một nửa án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể bà H1 nộp 39.000.000 (Ba mươi chín triệu) đồng, bà H2 và ông L liên đới nộp 39.000.000 (Ba mươi chín triệu) đồng. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H1 đã nộp là 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng theo biên lai thu số

0005167 ngày 29/12/2015 và số tiền 33.000.000 (Ba mươi ba triệu) đồng theo biên lai thu số 0005437 ngày 29/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N; bà H1 được nhận lại 6.000.000 (Sáu triệu) đồng.

Bà H2 phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà H2 đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006516 ngày 07/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận N;
- Cục Thi hành dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận N;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kim Dung